

# NGHỆ THUẬT NẸ ĐẤP NỔI TRONG TRANG TRÍ KIẾN TRÚC LĂNG VẠN VẠN

Trần Thị Xuân Lộc  
Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng  
Email: locttx@dau.edu.vn

/Ngày nhận bài: 20/06/2025 /Ngày nhận bài sửa sau phân biên: 01/12/2025 /Ngày chấp nhận đăng: 02/12/2025

## TÓM TẮT

Lăng Vạn Vạn là một công trình kiến trúc đặc sắc của triều Nguyễn, thể hiện rõ sự kế thừa, phát triển từ mỹ thuật truyền thống và giao thoa văn hóa Đông - Tây đầu thế kỷ XX. Trong đó, nghệ thuật nẻ đắp nổi giữ vai trò chủ đạo trong tổng thể trang trí của lăng. Từ phân tích chuyên sâu về các motif hoa văn cho thấy một hệ biểu tượng đa tầng, là sự dung hợp sâu sắc giữa tư tưởng Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng phồn thực dân gian. Đặc biệt, sự tiếp biến sáng tạo còn thể hiện rõ nét qua việc các nghệ nhân kết hợp kỹ thuật nẻ vữa truyền thống với vật liệu xi măng hiện đại và đưa các yếu tố thẩm mỹ phương Tây vào các đồ án trang trí Á Đông. Vì vậy, lăng Vạn Vạn là một minh chứng độc đáo về sự thích ứng và đổi mới của nghệ thuật truyền thống Việt Nam trong bối cảnh hiện đại hóa, tạo nên một bản sắc riêng biệt so với các lăng bà hoàng khác.

**Từ khóa:** Biểu tượng, lăng Vạn Vạn, mỹ thuật triều Nguyễn, nẻ đắp nổi

## DECORATIVE RELIEF ART IN VAN VAN TOMB ARCHITECTURE

### ABSTRACT

Van Van Mausoleum is a remarkable architectural work of the Nguyen dynasty, vividly embodying the inheritance and development of traditional art as well as the East-West cultural fusion of the early 20th century. Herein, the art of high-relief stucco plays a dominant role in the mausoleum's overall decorative scheme. In-depth analysis of the floral motifs reveals a multi-layered symbolic system, representing a profound integration of Confucianism, Buddhism, Taoism, and folk fertility beliefs. Notably, a creative adaptation is also evident in the artisans' combination of traditional plaster techniques with modern cement and their integration of Western aesthetic elements into East Asian decorative designs. Thus, Van Van Mausoleum stands as a unique testament to the adaptation and innovation of traditional Vietnamese art amidst modernization, establishing a distinct identity when compared to other royal consorts' tombs.

**Keywords:** Symbolism, Van Van tomb, Nguyen dynasty arts, high-relief stucco

### 1. MỞ ĐẦU

Lăng Vạn Vạn (Tư Thông lăng), nơi an táng Hựu Thiên Thuần Hoàng hậu Dương Thị Thục (1868 - 1944) - mẹ vua Khải Định, được xây dựng đầu thế kỷ 20, là minh chứng rõ nét cho sự tiếp biến văn hóa Đông - Tây. Ngoại trừ Huyền Cung bằng đá, toàn bộ kiến trúc còn lại được trang trí bằng kỹ thuật nẻ đắp nổi, kết hợp vữa truyền thống và xi măng hiện đại. Kỹ thuật này được ứng dụng liên tục từ tiền môn, công tam quan, bình phong trước - sau, hệ trụ, lan can, tạo nên một tổng thể trang trí dày đặc và giàu biểu tượng.

Bài viết tập trung phân tích hệ thống hoa văn nẻ đắp nổi tại lăng, làm rõ bố cục trang trí theo từng lớp không gian: từ bình phong ngoại, trụ biểu, công tam quan đến bình phong tiền và hậu. Qua đó, nhận diện ý nghĩa biểu tượng, vai trò thẩm mỹ và khả năng thích ứng của kỹ thuật truyền thống trong bối cảnh hiện đại.

Nghiên cứu dựa trên khảo sát thực địa, phân tích hình ảnh, tài liệu lịch sử và giải mã biểu tượng học, làm nổi

bật sự khác biệt của lăng Vạn Vạn so với các lăng bà hoàng trước và cùng thời kỳ.

### 2. NỘI DUNG

**2.1. Nghệ thuật trang trí nẻ đắp nổi tại lăng Vạn Vạn**  
Lăng Vạn Vạn được xây dựng vào giai đoạn cuối triều Nguyễn, dưới thời vua Khải Định - một giai đoạn lịch sử đầy biến động khi các luồng văn hóa nghệ thuật phương Tây thâm nhập mạnh mẽ vào Việt Nam. Lăng Vạn Vạn chính là minh chứng tiêu biểu cho sự giao thoa này, thể hiện qua một phong cách trang trí công phu, tinh xảo, phong phú đến độ dày đặc, rườm rà.

#### 2.1.1. Hệ thống trang trí theo không gian kiến trúc

Hệ thống trang trí tại lăng Vạn Vạn được tổ chức chặt chẽ theo từng lớp không gian, từ ngoài vào trong, tạo nên một tổng thể hài hòa và giàu ý nghĩa:

**Bình phong ngoại và hai trụ biểu:** được bố trí tại khu vực tiền môn, đóng vai trò như tấm chắn, định vị không gian linh thiêng và dẫn nhập vào khu mộ

chính. Về bố cục, công trình có tính đối xứng, với khung bao thể hiện qua các hình khối hình học, đường nét góc cạnh và tiết tấu dứt khoát. Trung tâm bình phong là một mảng phù điêu lớn được thực hiện bằng kỹ thuật nề đắp nổi trổ thủng, tạo hiệu ứng xuyên sáng, làm tổng thể trở nên thanh thoát. Trọng tâm phù điêu là hình tượng chim Phụng dang cánh bay giữa mây, lông đuôi uốn lượn mềm mại, trong mỏ ngậm cuộn thư và một thanh kiếm. Tổ hợp này thể hiện kiểu thức “Phụng hàm thư kiếm”, mang giá trị biểu trưng: Phụng - biểu tượng cao quý gắn với hoàng hậu, tượng trưng cho đức hạnh và điềm lành; Thư - đại diện cho tri thức, văn chương và sự uyên bác (yếu tố Văn); Kiếm - biểu thị cho sức mạnh, quyền uy và khả năng trị vì (yếu tố Võ). Sự kết hợp này ca ngợi nhân cách lý tưởng - “văn võ song toàn”, khẳng định người được an táng không chỉ có phẩm hạnh và trí tuệ mà còn sở hữu quyền lực, xứng tầm “mẫu nghi thiên hạ”.

Hai trụ biểu đặt hai bên lối vào, là các cột mốc thiêng liêng, đánh dấu ranh giới và dẫn lối vào không gian chính. Trụ có dạng cột thẳng, tiết diện vuông, vuron cao, được tạo hình hoàn toàn bằng kỹ thuật nề đắp nổi. Thân trụ chia ô học trang trí họa tiết phù điêu, thể hiện sự nhất quán trong toàn bộ công trình. Trên đỉnh là khối điêu khắc hình búp sen (hoa sen chưa nở), một biểu tượng quan trọng trong Phật giáo, mang ý nghĩa thanh khiết, tiềm năng giác ngộ và tái sinh.

*Cổng tam quan:* Ngay từ cổng vào, kỹ thuật nề đắp nổi đã thể hiện vai trò chủ đạo. Cổng được xây dựng theo lối kiến trúc “cổ lâu”, gồm một cửa vòm lớn và lầu gác hai tầng mái phía trên. Cấu trúc đối xứng qua trục giữa, với hai trụ lớn hai bên tạo cảm giác vững chãi, bề thế. Từ chân trụ đến đỉnh mái đều được phủ kín bằng các họa tiết đắp nổi. Mái hai tầng giả ngói ống được trang trí công phu: đỉnh nóc là hình “Lưỡng phụng châu nguyệt” hoặc biến thể - biểu tượng quyền uy tối cao của hoàng hậu. Các góc mái uốn cong kết thúc bằng linh vật chim phụng cách điệu (phụng hồi) kết hợp hình sóng cá, vừa trang trí vừa mang hàm ý bảo hộ và tránh tai ương. Diềm mái và cổ lâu đắp nổi công phu với đồ án hoa lá, tứ thời, bát quả.

Phía trên đỉnh vòm cửa là hình tượng Hồ phù (mặt quỷ) ngậm cành lá cách điệu. Từ trung tâm, các dải lá (gọi hình lá cúc) cuộn xoắn tỏa ra hai bên, tạo thành hình mặt Hồ phù với đôi mắt tròn, sống mũi to và miệng rộng. Theo mỹ thuật truyền thống, đây là biểu tượng hộ pháp kinh điển, có chức năng trấn yểm, xua đuổi tà ma và bảo vệ sự thanh tịnh cho không gian phía sau. Hồ phù mang vẻ mặt dữ tợn nhằm xua đuổi tà khí là điểm đặc sắc của sự kết hợp giữa biểu tượng Á Đông với ảnh hưởng từ nghệ thuật Ba-rốc phương Tây, cụ thể là phong cách Rococo của Pháp. Ảnh hưởng này thể hiện qua hệ thống hoa lá mềm mại, dây

leo đan cài quanh Hồ phù. Thay vì họa tiết mây lửa đối xứng đặc trưng cung đình, nghệ nhân sử dụng các motif uốn lượn tự do, bất đối xứng, nhấn mạnh tính hoa mỹ và chuyên động. Chính sự “Việt hóa” đường nét Rococo kết hợp với Hồ phù uy nghiêm đã tạo nên một tổng thể trang trí vừa bề thế, vừa độc đáo, thể hiện rõ dấu ấn giao thoa văn hóa Đông - Tây.

Bốn mặt của hai chân trụ chính là nơi thể hiện rõ nhất bộ đề tài “Tứ thời”, tượng trưng cho bốn mùa, một motif phổ biến trong mỹ thuật cung đình. Mùa xuân là cây mai biểu trưng sức sống mãnh liệt, khí phách người quân tử. Mùa hạ là hoa lan biểu tượng vẻ đẹp vương giả, tinh khiết. Mùa thu là hoa cúc tượng trưng trường thọ và ân dật. Mùa đông là cây tùng thể hiện sức bền và sự kiên cường. Tứ quý không chỉ đại diện bốn mùa, mà còn ẩn dụ những phẩm chất cao quý của người quân tử và chu trình tuần hoàn vũ trụ.

Ở các ô học vuông phần chân trụ là đề tài bầu bí, với hình ảnh dây bầu, dưa tây, hồ lô, bí ngô căng tròn. Lá, hoa, nụ được chạm tía tinh tế, với đường gân rõ nét. Những loại quả này, bên trong nhiều hạt, là biểu tượng mạnh mẽ cho sự sinh sôi, nảy nở, gia tộc hưng vượng. Đặc biệt, quả hồ lô còn là vật phẩm quan trọng trong Đạo giáo, tượng trưng cho trường sinh, sức khỏe và sự bảo hộ.

Điểm nổi bật của công trình không chỉ nằm ở từng motif đơn lẻ mà còn ở nguyên tắc tổ chức trang trí bằng ô học rất đặc trưng. Công tam quan, với nguyên tắc “ô học” hiện diện từ chân trụ, thân trụ đến mái, đã quy tụ các họa tiết hoa lá, chim chóc, tứ quý, bầu bí trĩu quả - biểu tượng cho lý tưởng nhân cách, phồn vinh và sự trường tồn. Tất cả đã hòa quyện để tạo nên một công trình vừa trang nghiêm, bề thế, vừa gần gũi, nhân văn.

*Bình phong tiền (phía trước Huyền Cung):* Sau khi qua cổng, bình phong tiền hiện ra như một tác phẩm nề đắp nổi bề thế với cả hai mặt của bình phong đều được phủ kín bởi các đồ án trang trí. Mặt trước của bình phong hướng ra bên ngoài, toàn bộ bề mặt được trang trí đắp nổi bởi các hình cây, trái, hoa lá, cổ đồ với bố cục đối xứng chặt chẽ. Nổi bật ở trung tâm là một chữ “Thọ” (壽) lớn được cách điệu theo lối chữ triện. Đây không chỉ là lời biểu thị trường thọ đơn thuần mà còn là một biểu tượng cốt lõi, khẳng định giá trị vĩnh cửu và sự trường tồn của hoàng tộc. Đối xứng hai bên ô trung tâm là hai bức phù điêu tả cảnh, thể hiện các đề tài trong bộ “tứ thời”, các hình ảnh như tùng, cúc, mai, trúc được khắc họa tinh xảo, không chỉ mang ý nghĩa trang trí mà còn tượng trưng cho khí phách của người quân tử và sự tuần hoàn vĩnh cửu của vũ trụ.

Trái ngược với sự uy nghiêm đó, mặt sau mang sắc

thái nhẹ nhàng, thanh thoát, tập trung các biểu tượng cát tường và yếu tố nữ tính. Trung tâm là đồ án “Lưỡng phụng châu nguyệt”, với đôi chim phụng mềm mại, bộ lông đuôi chạm tia công phu, bay hướng về vầng trăng - biểu tượng tối cao của hoàng hậu và vẻ đẹp minh triết. Hình ảnh này không chỉ tôn vinh địa vị của Hoàng thái hậu Dương Thị Thực mà còn thể hiện sự quy tụ điều tốt đẹp, hài hòa âm dương. Xung quanh là mây lành, hoa lá tạo nên khung cảnh thoát tục. Phần bên dưới được trang trí hoa văn mềm mại hơn so với mặt trước, còn hai ô hai bên tiếp tục thể hiện đề tài mai điều, hoa cỏ, chim muông, tạo nên một bức tranh thiên nhiên sinh động.

Hai thành trụ của bình phong là nơi tập trung các biểu tượng mang tính nghi lễ và học thuật. Bên phải (nhìn từ công tam quan) là mâm quả đặt trên kỷ, gồm nho, lựu, đào, phật thủ - tượng trưng cho tín ngưỡng phồn thực, sự sung túc và trường thọ. Phía trên là đôi bướm (điệp), biểu tượng cho tình yêu và hạnh phúc lứa đôi. Hai bên là các vật phẩm: ống đựng bút lông và lông công (tri thức, văn chương, cao quý) bên phải, giỏ hoa (vẻ đẹp và điều lành) bên trái. Tổ hợp biểu tượng này vừa gắn gũi với văn hóa dân gian (mâm ngũ quả), vừa thể hiện giá trị tinh thần cao quý (văn chương, học thuật), phản ánh sự giao thoa giữa văn hóa cung đình và dân gian.

Bên trái trụ bình phong là một bộ cổ đồ được tạo hình công phu. Trung tâm là đỉnh trầm lớn với nắp hình lân - biểu tượng của điềm lành và sức mạnh. Hai bên là đèn lồng (ánh sáng, trí tuệ) và ống đựng đồ học tập như bút, thẻ tre - tiếp tục nhấn mạnh giá trị của tri thức, mang đậm màu sắc trang trọng, nghi lễ, thể hiện sự tôn nghiêm và những giá trị học thuật, đạo đức được đề cao trong tư tưởng Nho giáo và Đạo giáo.

Bình phong hậu (phía sau Huyền Cung): Có bố cục đối xứng, gồm một khối trung tâm lớn và hai cánh hai bên, tạo nên một tổng thể vững chãi, uy nghiêm. Nổi bật giữa trung tâm là chữ “Thọ” lớn theo lối chữ triện, đặt trong khung bát giác - biểu tượng mạnh mẽ cho sự trường tồn và cuộc sống vĩnh cửu và khẳng định ước nguyện cốt lõi của toàn bộ công trình. Bao quanh chữ “Thọ” là hình ảnh bốn con dơi đang bay giữa các cụm mây. Trong văn hóa Hán - Việt, dơi (蝠) đồng âm với “phúc” (福), do đó, hình tượng này tượng trưng cho “Ngũ phúc” - năm điều phúc lành. Họa tiết “Ngũ phúc” là một đồ án cát tường mang ý nghĩa cầu chúc phúc lộc và trường sinh bất tử.

Hai bên họa tiết “Ngũ phúc” là các kiểu thức trang trí biểu tượng cao quý: “mẫu đơn hóa rồng đội chữ Vạn” và “sen hóa rùa đội chữ Vạn” - đây là những kiểu thức “hóa” độc đáo mang ý nghĩa triết học sâu sắc trong mỹ thuật cổ Việt Nam. Mẫu đơn tượng trưng cho phú quý, vẻ đẹp vương giả, khi hóa rồng, nó mang thêm ý

nghĩa về điềm lành, trường thọ và trí tuệ. Sen hóa rùa (Liên Quy) là sự kết hợp giữa biểu tượng Phật giáo (sen - thanh khiết, giác ngộ) và rùa (trường thọ, bền vững), tạo hình ảnh gắn liền với sự an lạc và vĩnh cửu - đây là đặc trưng tiêu biểu của nghệ thuật cung đình Huế thời Nguyễn.

Hai cánh bên của bình phong được chia thành hai dải trang trí dọc, dải phía trong là chuỗi họa tiết hình học lặp lại, đồng tiền hoặc hoa mai năm cánh trong khung bát giác - tạo hiệu ứng thị giác dày đặc, gợi liên tưởng đến gấm vóc. Dải phía ngoài mang hình thức cuốn thư, kết hợp tạo thành một bộ tranh Tứ quý hoàn chỉnh - biểu tượng cho bốn mùa và phẩm chất cao quý của người quân tử. Cánh trái thể hiện Mai (xuân) và Lan (hạ), cánh phải là Cúc (thu) và Tùng (đông). Kỹ thuật đắp nổi thể hiện rõ đặc trưng của từng loài: mai gầy guộc, lan thanh tú, cúc viên mãn, tùng vững chãi.

So với các lăng bà hoàng khác, lăng Vạn Vạn có mức độ sử dụng nề đắp nổi với mật độ cao hơn rõ rệt. Nếu như lăng Thoại Thánh chủ yếu sử dụng kỹ thuật nề đắp nổi ở mức điểm xuyết, thiên về phong cách tinh giản; lăng Khiêm Thọ kết hợp nề đắp nổi với khám sành sứ, và các hạng mục kiến trúc chính vẫn làm bằng đá truyền thống. Trong khi đó, lăng Vạn Vạn thể hiện rõ nét đặc trưng của một công trình chuyên minh mạnh mẽ, nơi nề đắp nổi chiếm vai trò trung tâm, kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật truyền thống và vật liệu hiện đại.

### 2.1.2. Hệ biểu tượng tín ngưỡng và thẩm mỹ trong nghệ thuật trang trí nề đắp nổi

Một trong những đặc trưng nổi bật nhất của nghệ thuật trang trí tại lăng Vạn Vạn là sự dung hòa nhuần nhuyễn giữa các yếu tố cung đình trang trọng và tín ngưỡng dân gian gần gũi. Đây là một đặc điểm cốt lõi của mỹ thuật Huế, như nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Thông đã khẳng định, “...ranh giới giữa cung đình và dân gian trên nhiều lĩnh vực thuộc thời Nguyễn là không quá tách biệt.”<sup>1</sup>. Chính sự gắn gũi mang tính bản chất này đã cho phép các hệ biểu tượng từ Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo cùng các tín ngưỡng dân gian truyền thống cùng tồn tại và đối thoại trên bề mặt kiến trúc lăng.

Ảnh hưởng Nho giáo: Biểu hiện rõ qua các biểu tượng quyền uy, bền vững, và khí phách quân tử. Các motif tùng, trúc, mai xuất hiện thường xuyên, gửi gắm ý nghĩa về phẩm hạnh cao quý và sự trường tồn của vương triều. Bộ Tứ thời (tứ quý) phản ánh quan niệm phương Đông về sự vững chắc, hạnh phúc và ổn định, phù hợp với lý tưởng hoàng gia.

Ảnh hưởng Phật giáo: Thể hiện qua hình tượng hoa sen, biểu trưng cho sự thanh khiết, giác ngộ và tái sinh. Sen xuất hiện dày đặc trong trang trí, đặc biệt tại

các lan can bổ trụ, mang ý nghĩa an lạc vĩnh cửu cho người đã khuất. Biểu tượng chữ Vạn, thấy trên lan can và bình phong, là biểu tượng cát tường, vĩnh cửu, phúc lộc và viên mãn.

Ảnh hưởng Đạo giáo: Thông qua các biểu tượng như bầu vũ trụ, dải mây sóng, gậy trúc, quạt tiên, thể hiện ước vọng về quyền năng, trường thọ và sự bảo hộ. Lá ngải - biểu trưng điềm lành - xuất hiện trong nhiều chi tiết đắp nổi. Các hình tượng như mặt trăng, mây, tia chớp thể hiện quan niệm vũ trụ - thiên nhiên - siêu nhiên, mang ý nghĩa sinh tồn và triết lý vạn vật.

Ảnh hưởng tín ngưỡng dân gian: Thể hiện qua các motif như bát bửu ở không gian bình phong tiền, các hình ảnh như mâm quả, đỉnh hương, hộp thư pháp, quả đào tiên, bầu hồ lô, bút lông, nghiên mực, vừa có giá trị tạo hình phong phú, vừa biểu đạt tập hợp biểu tượng đa tầng của tam giáo. Tổ hợp hoa quả trên khay tượng trưng cho sự phồn thực, thịnh vượng, thường thấy trong các nghi lễ cầu phúc - một hình thức dân gian được hợp thức hóa trong cung đình. Các loại quả như đào, mãng cầu, lựu, phật thủ mang tính cát tường, đại diện cho ước nguyện con cháu đầy đàn, gia đạo hưng thịnh.

Sự kết hợp hài hòa giữa biểu tượng Nho - Phật - Đạo và dân gian tạo nên hệ thẩm mỹ đa tầng, phản ánh sự dung hợp văn hóa đặc trưng của Huế. Dù tuân theo quy tắc cung đình, mỗi đề tài vẫn mang tinh thần dân gian, thể hiện sự linh hoạt trong diễn giải giá trị tín ngưỡng, khiến nghệ thuật trở nên sống động, gần gũi hơn.

### 2.2. Kỹ thuật tạo hình tinh xảo của nghệ nhân

Huế - kinh đô cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam - là nơi hội tụ tinh hoa nghệ thuật từ nhiều vùng miền, tạo nên một trong những trung tâm nghệ thuật truyền thống đa dạng bậc nhất. Như Hoàng Phúc Quý nhận định: "...bằng thủ pháp cách điệu, chuyển hóa, các nghệ nhân xưa đã có thể kết hợp và biến chuyển các hình thể... tạo nên khí chất, thần thái riêng và thể hiện trí tưởng tượng phong phú, bay bổng gắn với tâm thức, khát vọng và ước mong hạnh phúc của người dân Việt"<sup>2</sup>.

Trong lăng Vạn Vạn, mật độ họa tiết nề đắp nổi cao và phong phú thể hiện rõ kỹ thuật điêu luyện của các nghệ nhân. Họ đã khắc chạm và đắp tia tinh xảo các hình tượng như áng mây, hoa sen, chim phụng, bát bửu và các đồ án quen thuộc như mai điếu, liễu mã, tiêu tượng, tùng lộc..., đồng thời biến hóa các motif truyền thống để tạo dấu ấn riêng. Các biến thể "hóa" như mẫu đơn hóa rồng, sen hóa rùa là minh chứng cho trí tưởng tượng và khả năng ứng biến sáng tạo của người thợ. Việc sử dụng vữa nề cổ pha phụ gia đặc biệt giúp kéo dài thời gian ninh kết và hạn chế nứt

nề, cho thấy sự am hiểu sâu sắc về kỹ thuật vật liệu, đảm bảo độ bền và thẩm mỹ cho công trình. Điều này phản ánh khả năng thích ứng linh hoạt của nghệ nhân trong việc phát triển nghề thủ công truyền thống, đồng thời đáp ứng yêu cầu thẩm mỹ và kỹ thuật của thời đại.

### 3. KẾT LUẬN

Lăng Vạn Vạn là một di sản đặc sắc, phản ánh sinh động giai đoạn chuyển mình quan trọng của mỹ thuật cung đình Huế nói riêng và mỹ thuật Việt Nam đầu thế kỷ XX nói chung.

Nghiên cứu đã hệ thống hóa cấu trúc trang trí của công trình, cho thấy bố cục được tổ chức chặt chẽ theo từng lớp không gian, tạo nên một tổng thể hài hòa và biểu tượng. Dưới lớp trang trí cầu kỳ là hệ thống biểu tượng đa tầng, thể hiện sự dung hợp của tư tưởng Nho - Phật - Đạo và tín ngưỡng dân gian. Đây không đơn thuần là sự lặp lại motif truyền thống, mà là quá trình diễn giải và sáng tạo, nơi các biểu tượng quyền uy, phẩm hạnh, tâm linh và ước vọng thế tục được hòa quyện. Điềm nổi bật nhất của công trình, cũng là đóng góp chính của nghiên cứu, là việc xác lập vai trò trung tâm của kỹ thuật nề đắp nổi như phương tiện biểu đạt chủ đạo. Việc kết hợp các yếu tố trang trí phong cách Rococo phương Tây bên cạnh đồ án thuần Á Đông là minh chứng cho một cuộc đổi thay văn hóa cởi mở.

Lăng Vạn Vạn không chỉ là nơi an nghỉ của Hoàng thái hậu, mà còn là một bảo tàng nghệ thuật sống động, minh chứng cho khả năng tiếp biến và sáng tạo của nghệ thuật truyền thống Việt Nam trước những ảnh hưởng của tư tưởng và kỹ thuật mới.

### CHÚ THÍCH

<sup>1</sup>Nguyễn Hữu Thông (2001), *Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí*, NXB Thuận hóa, Huế, trang 281.

<sup>2</sup>Hoàng Phúc Quý (12/2024), "Ý nghĩa biểu tượng của kiểu thức 'hóa' trong mỹ thuật thời Nguyễn ở Huế", *Tạp chí Nghiên cứu Mỹ thuật*, số 2, trang 11.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

**Hoàng Phúc Quý. (12/2024).** "Ý nghĩa biểu tượng của kiểu thức 'hóa' trong mỹ thuật thời Nguyễn ở Huế", *Tạp chí Nghiên cứu Mỹ thuật*, số 2, tr. 10- 15.

**Nguyễn Hữu Thông. (2001).** *Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí*. Huế: NXB Thuận Hóa.

**Phan Thuận An. (2012).** *Lăng tẩm Huế- một kỳ quan*. NXB Đà Nẵng.

**Trần Lâm Biền. (2013).** *Con đường tiếp cận lịch sử*. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.